

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403403

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	Bao	9,4	Chín, bốn	C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	Phuongdung	8,5	Tám, năm	C25QT1	Nợ HP
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	Hai	8,1	Tám, một	C25QT1	
4	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	Pham	7,4	Bảy, bốn	C25QT1	
5	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	Ly	7,1	Bảy, một	C25QT1	Nợ HP
6	2310100018	Nguyễn Nhật Khang	06/10/2005	Khang	6,5	Sáu, năm	C25QT1	
7	2310100027	Phùng Yến Linh	29/08/2002	Linh	7,0	Bảy	C25QT1	
8	2310100003	Võ Diễm Lộc	03/10/2004	Loc	7,5	Bảy, năm	C25QT1	
9	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	Ly	6,4	Sáu, bốn	C25QT1	
10	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	Mo	9,2	Chín, hai	C25QT1	
11	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	Nguyen	7,8	Bảy, tám	C25QT1	Nợ HP
12	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	Nhoc	8,7	Tám, bảy	C25QT1	
13	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	Nhu	10	Mười	C25QT1	
14	2310100006	Hà Minh Quang	09/09/2003				C25QT1	
15	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	Qu	6,8	Sáu, tám	C25QT1	
16	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	Sonray	6,0	Sáu	C25QT1	
17	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	Cao	8,2	Tám, hai	C25QT1	
18	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	Thanh	7,1	Bảy, một	C25QT1	
19	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	Phuong	6,4	Sáu, bốn	C25QT1	
20	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	Danh	7,8	Bảy, tám	C25QT1	
21	2310100010	Châu Trần Phúc Thuận	01/01/2005	Phuc	7,1	Bảy, một	C25QT1	Nợ HP
22	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	Mythuy	7,4	Bảy, bốn	C25QT1	
23	2310100004	Lê Huỳnh Song Thư	16/08/2002				C25QT1	
24	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	Minh	7,2	Bảy, hai	C25QT1	
25	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	Anh	7,0	Bảy	C25QT1	
26	2310100031	Trần Minh Thư	20/07/2003				C25QT1	
27	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	Thy	7,9	Bảy, chín	C25QT1	
28	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	My	7,5	Bảy, năm	C25QT1	
29	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	Nhu	7,2	Bảy, hai	C25QT1	
30	2310100002	Nguyễn Thu Hồng Tiên	27/12/2003				C25QT1	
31	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	Thy	7,2	Bảy, hai	C25QT1	Nợ HP
32	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	Bui	7,8	Bảy, tám	C25QT1	
33	2310100034	Trần Thị Lan Trinh	28/06/2005	Trinh	7,0	Bảy	C25QT1	
34	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	Thanh	7,2	Bảy, hai	C25QT1	Nợ HP

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 vắng thi: 4 . Số bài thi: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 20 tháng 9 năm 2023.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Linh

Ngày 19 tháng 9 năm 2023.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

TR
KI

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403403

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	Ba	8,0	tam	C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	Phuoc	6,2	sau hai	C25QT1	Nợ HP
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	Hai	8,0	tam	C25QT1	
4	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	Phuoc	7,3	Bai, ba	C25QT1	
5	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	Phuoc	6,2	sau hai	C25QT1	Nợ HP
6	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005	Kha	7,5	Bai, nien	C25QT1	
7	2310100027	Phùng Yến Linh	29/08/2002	Linh	8,5	tam nien	C25QT1	
8	2310100003	Võ Diễm Lộc	03/10/2004	Loc	7,3	Bai, ba	C25QT1	
9	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	Ly	8,0	tam	C25QT1	
10	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	Mo	8,0	tam	C25QT1	
11	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	Nguyen	7,8	Bai, tam	C25QT1	Nợ HP
12	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	Nhoc	7,8	Bai, tam	C25QT1	
13	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	Nhu	8,9	tam, chin	C25QT1	
14	2310100006	Hà Minh Quang	09/09/2003				C25QT1	NL
15	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	Qu	5,0	Nam	C25QT1	
16	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	Sa	7,3	Bai, ba	C25QT1	
17	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	Tay	8,2	tam, hai	C25QT1	
18	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	Thanh	7,8	Bai, tam	C25QT1	
19	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	Thao	6,5	sau nien	C25QT1	
20	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	Thom	7,8	Bai, tam	C25QT1	
21	2310100010	Châu Trần Phúc Thuận	01/01/2005	Phuoc	8,0	tam	C25QT1	Nợ HP
22	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	Thuy	6,5	sau nien	C25QT1	
23	2310100004	Lê Huỳnh Song Thư	16/08/2002				C25QT1	NL
24	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	Thu	7,5	Bai, nien	C25QT1	
25	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	Thu	7,5	Bai, nien	C25QT1	
26	2310100031	Trần Minh Thư	20/07/2003				C25QT1	NL
27	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	Thy	7,8	Bai, tam	C25QT1	
28	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	Thy	7,8	Bai, tam	C25QT1	
29	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	Thy	7,5	Bai, nien	C25QT1	
30	2310100002	Nguyễn Thu Hồng Tiên	27/12/2003				C25QT1	NL
31	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	Thy	8,0	tam	C25QT1	Nợ HP
32	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	Tran	8,8	tam, tam	C25QT1	
33	2310100034	Trần Thị Lan Trinh	28/06/2005	Trinh	7,3	Bai, ba	C25QT1	
34	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	Thuy	7,5	Bai, nien	C25QT1	Nợ HP

3

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 4 . Số bài thi: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 14 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

AS theory

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa.

IRL

KH

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Mã lớp học phần: MH110403403

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004	<i>Cam</i>	8,0	<i>Tam</i>	C25QT2	
2	2310100038	Bùi Thị Thùy Dung	22/07/2005	<i>Dung</i>	7,0	<i>Bai</i>	C25QT2	
3	2310100023	Trần Thị Mỹ Duyên	01/07/2005	<i>Duc</i>	7,5	<i>Bai nioi</i>	C25QT2	
4	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005	<i>huynh</i>	6,5	<i>Sau nioi</i>	C25QT2	
5	2310100035	Cún A Kiệt	17/09/2005				C25QT2	
6	2310100068	Phan Thiên Kim	26/07/2005	<i>Kim</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	
7	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005	<i>Linh</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	
8	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005	<i>Linh</i>	5,3	<i>Nam, ba</i>	C25QT2	
9	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<i>Linh</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	
10	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005	<i>Linh</i>	8,8	<i>Nam, tam</i>	C25QT2	
11	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú Mai	11/12/2005	<i>Mai</i>	5,0	<i>Nam</i>	C25QT2	
12	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều Nga	29/11/2005	<i>Nga</i>	5,0	<i>Nam</i>	C25QT2	
13	2310100051	Bùi Phan Thanh Ngân	13/11/2005	<i>Ngan</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	
14	2310100036	Nguyễn Thị Như Ngọc	15/07/2005				C25QT2	
15	2310100043	Trần Bửu Nhân	01/08/2005	<i>Nhan</i>	8,5	<i>Tam nioi</i>	C25QT2	<i>NL</i>
16	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004	<i>Nhi</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	
17	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005	<i>Hongnhi</i>	7,5	<i>Bai nioi</i>	C25QT2	
18	2310100060	Tôn Nguyễn Thảo Nhi	27/05/2005				C25QT2	<i>NL</i>
19	2310100049	Nguyễn Hoàng Oanh	26/06/2005	<i>Oanh</i>	6,3	<i>Sau, ba</i>	C25QT2	
20	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005	<i>Phat</i>	8,5	<i>Tam nioi</i>	C25QT2	
21	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005	<i>Dienhuoc</i>	8,0	<i>Tam</i>	C25QT2	
22	2310100048	Nguyễn Cát Hồng Quân	05/01/2004	<i>Qua</i>	6,8	<i>Sau, tam</i>	C25QT2	
23	2310100062	Phạm Tiến Quân	01/09/2005	<i>Qua</i>	8,5	<i>Tam nioi</i>	C25QT2	
24	2310100057	Nguyễn Thị Phương Uyên	26/07/2005	<i>Uyen</i>	8,8	<i>Tam, tam</i>	C25QT2	
25	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005	<i>Thao</i>	7,0	<i>Bai</i>	C25QT2	
26	2310100037	Lê Triệu Thiên	07/04/2005	<i>Thien</i>	5,5	<i>Nam nioi</i>	C25QT2	
27	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	<i>Thuy</i>	8,3	<i>Tam, ba</i>	C25QT2	
28	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004	<i>Tran</i>	8,5	<i>Tam nioi</i>	C25QT2	
29	2310120003	Phạm Minh Trí	19/02/2002				C25QT2	
30	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005	<i>Trung</i>	6,5	<i>Sau nioi</i>	C25QT2	<i>NL</i>
31	2310100056	Nguyễn Nhựt Trường	06/02/2005	<i>Truong</i>	8,0	<i>Tam</i>	C25QT2	
32	2310100039	Lê Thị Mộng Tuyền	23/04/2005				C25QT2	
33	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004	<i>Tuyet</i>	7,3	<i>Bai, ba</i>	C25QT2	<i>NL</i>
34	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005	<i>Tung</i>	7,5	<i>Bai nioi</i>	C25QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005		7,8	Bảy, tám	C25QT2	
36	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005		8,5	Tám rưỡi	C25QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 5 . Số bài thi: 31 / 31 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 11 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trưởng Khoa/Bộ Môn

Ngày: 10 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Giáo Viên Chấm Thi

TRƯỜNG
KHÁ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403403

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	<i>Canh</i>	6.7	Sau, bay	C25QT2
2	2310100038	Bùi Thị Thùy	Dung	22/07/2005	<i>Thuykhu</i>	7.7	bay, bay	C25QT2
3	2310100023	Trần Thị Mỹ	Duyên	01/07/2005	<i>De</i>	6.0	Sau	C25QT2
4	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	<i>Thuykhu</i>	5.8	Nam, tam	C25QT2
5	2310100035	Cún A	Kiệt	17/09/2005				C25QT2
6	2310100068	Phan Thiên	Kim	26/07/2005	<i>RKhu</i>	6.5	Sau, nướ	C25QT2
7	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	<i>Linh</i>	5.4	Nam, bôn	C25QT2
8	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	<i>KKH</i>	6.5	Sau, nướ	C25QT2
9	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	<i>Tuc</i>	7.5	Bay, nướ	C25QT2
10	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	<i>Linh</i>	8.3	Tam, ba	C25QT2
11	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú	Mai	11/12/2005	<i>Me</i>	5.0	Nam	C25QT2
12	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	<i>Nga</i>	5.0	Nam	C25QT2
13	2310100051	Bùi Phan Thanh	Ngân	13/11/2005	<i>Ngan</i>	6.8	Sau, tam	C25QT2
14	2310100036	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/07/2005				C25QT2
15	2310100043	Trần Bửu	Nhân	01/08/2005	<i>Bhu</i>	9.0	Chín	C25QT2
16	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	<i>Tu</i>	5.5	Nam, nướ	C25QT2
17	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	<i>Hongnhu</i>	7.8	Bay, tam	C25QT2
18	2310100060	Tôn Nguyễn Thảo	Nhi	27/05/2005				C25QT2
19	2310100049	Nguyễn Hoàng	Oanh	26/06/2005	<i>Chis</i>	6.8	Sau, tam	C25QT2
20	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	<i>Phat</i>	7.7	Bay, bay	C25QT2
21	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	<i>Phuoc</i>	5.8	Nam, tam	C25QT2
22	2310100048	Nguyễn Cát Hồng	Quân	05/01/2004	<i>Quin</i>	6.3	Sau, ba	C25QT2
23	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	<i>Quin</i>	5.0	Nam	C25QT2
24	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005	<i>Quy</i>	7.3	Bay, ba	C25QT2
25	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	<i>Thao</i>	7.0	Bay	C25QT2
26	2310100037	Lê Triệu	Thiên	07/04/2005	<i>Thieu</i>	7.3	Bay, ba	C25QT2
27	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	<i>Thuy</i>	5.8	Nam, tam	C25QT2
28	2310100050	Quách Nguyễn Bảo	Trân	18/08/2004	<i>Tran</i>	9.0	Chín, hai	C25QT2
29	2310120003	Phạm Minh	Trí	19/02/2002	<i>Tri</i>	7.0	Bay	C25QT2
30	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	<i>Tuoc</i>	7.4	Bay, bôn	C25QT2
31	2310100056	Nguyễn Nhựt	Trường	06/02/2005	<i>Truong</i>	7.5	Bay, nướ	C25QT2
32	2310100039	Lê Thị Mộng	Tuyền	23/04/2005				C25QT2
33	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	<i>Tuyet</i>	6.8	Sau, tam	C25QT2
34	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	<i>Tung</i>	7.7	Bay, bay	C25QT2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005		7,5	Bài viết	C25QT2	
36	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005		7,7	Bài viết	C25QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 4 Số bài thi: 32 / 32.

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hil

Ngày 19 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

TRƯỞNG
KHOA



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Mã lớp học phần: MH110403403

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 23/11/2023

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Trần Thị Huyền

Ký tên: mm

Giám thị 2: NTN Hoa

Ký tên: NTN

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	<u>Bao</u>				C25QT1	
2	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004	<u>Cam</u>				C25QT2	
3	2310100038	Bùi Thị Thùy Dung	22/07/2005	<u>Dung</u>				C25QT2	
4	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	<u>Phuong</u>				C25QT1	
5	2310100023	Trần Thị Mỹ Duyên	01/07/2005	<u>Du</u>				C25QT2	
6	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	<u>Hai</u>				C25QT1	
7	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	<u>Hong</u>				C25QT1	
8	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	<u>Huy</u>				C25QT1	
9	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005	<u>Huynh</u>				C25QT2	
10	2310100018	Nguyễn Nhật Khang	06/10/2005	<u>Khang</u>				C25QT1	
11	2310100068	Phan Thiên Kim	26/07/2005	<u>Kim</u>				C25QT2	
12	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005	<u>Linh</u>				C25QT2	
13	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005	<u>Linh</u>				C25QT2	
14	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<u>Linh</u>				C25QT2	
15	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005	<u>Linh</u>				C25QT2	
16	2310100027	Phùng Yến Linh	29/08/2002	<u>Linh</u>				C25QT1	
17	2310100003	Võ Diễm Lộc	03/10/2004	<u>Loc</u>				C25QT1	
18	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	<u>Ly</u>				C25QT1	
19	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú Mai	11/12/2005	<u>Mai</u>				C25QT2	
20	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	<u>Mo</u>				C25QT1	
21	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều Nga	29/11/2005	<u>Nga</u>				C25QT2	
22	2310100051	Bùi Phan Thanh Ngân	13/11/2005	<u>Ngan</u>				C25QT2	
23	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	<u>Nghia</u>				C25QT1	
24	2310100043	Trần Bửu Nhân	01/08/2005	<u>Nhan</u>				C25QT2	
25	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004	<u>Nhi</u>				C25QT2	
26	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005	<u>Nhi</u>				C25QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 26 / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 15 tháng 1 năm 2023

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hân

Ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hân



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Kinh tế học

Mã bài thi: 9VS9WV

Thời gian thi: 23/11/2023 13:30:00

Thời gian kết thúc: 23/11/2023 14:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Huyền Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: NTN Hòa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tân Bảo	27/11/2005	<u>[Signature]</u>	4	Bốn	C25QT1	
2	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004	<u>Cam</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
3	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	<u>Phu</u>	5.8	Năm, tám	C25QT1	
4	2310100038	Bùi Thị Thùy Dung	22/07/2005	<u>Dung</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
5	2310100023	Trần Thị Mỹ Duyên	01/07/2005	<u>Qu</u>	5	Năm	C25QT2	
6	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	<u>Hai</u>	3.4	Ba, bốn	C25QT1	
7	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C25QT1	
8	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT1	
9	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005	<u>huynh</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
10	2310100018	Nguyễn Nhật Khang	06/10/2005	<u>Khang</u>	4.8	Bốn, tám	C25QT1	
11	2310100068	Phan Thiên Kim	26/07/2005	<u>Kim</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
12	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<u>Linh</u>	2.8	Hai, tám	C25QT2	
13	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005	<u>Linh</u>	2.6	Hai, sáu	C25QT2	
14	2310100066	Phạm Thị Yên Linh	31/05/2005	<u>Linh</u>	6	Sáu	C25QT2	
15	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005	<u>Linh</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
16	2310100027	Phùng Yên Linh	29/08/2002	<u>Linh</u>	3.4	Ba, bốn	C25QT1	
17	2310100003	Võ Diên Lộc	03/10/2004	<u>Lộc</u>	4.8	Bốn, tám	C25QT1	
18	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	<u>Ly</u>	4.2	Bốn, hai	C25QT1	
19	2310100046	Trương Ngọc Thị Tú Mai	11/12/2005	<u>Ma</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
20	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	<u>Mơ</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT1	
21	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều Nga	29/11/2005	<u>Nga</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
22	2310100051	Bùi Phan Thanh Ngân	13/11/2005	<u>Ngan</u>	3.2	Ba, hai	C25QT2	
23	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	<u>Nghia</u>	4	Bốn	C25QT1	
24	2310100043	Trần Bửu Nhân	01/08/2005	<u>Nhan</u>	3.8	Ba, tám	C25QT2	
25	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004	<u>Nhi</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT2	
26	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005	<u>Nhi</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 26

Số sinh viên đạt: 14

Ngày 25 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Thị Huyền

Ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hòa

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kinh tế học - MH1104034

Mã lớp học phần: MH110403403

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 23/11/2023

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên:

Giám thị 2: Phạm Thành Tường

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004					C25QT1	
2	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh	15/02/2005					C25QT1	
3	2310100049	Nguyễn Hoàng Oanh	26/06/2005					C25QT2	
4	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005					C25QT2	
5	2310100052	Phạm Thị Diễm	26/11/2005					C25QT2	
6	2310100048	Nguyễn Cát Hồng	05/01/2004					C25QT2	
7	2310100062	Phạm Tiến Quân	01/09/2005					C25QT2	
8	2310100032	Lê Thị Ngọc Quí	06/01/2005					C25QT1	
9	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005					C25QT2	
10	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005					C25QT1	
11	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005					C25QT1	
12	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005					C25QT1	
13	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002					C25QT1	
14	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005					C25QT2	
15	2310100037	Lê Triệu Thiên	07/04/2005					C25QT2	
16	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005					C25QT1	
17	2310100010	Châu Trần Phúc Thuận	01/01/2005					C25QT1	Nợ HP 4/4
18	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005					C25QT2	
19	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005					C25QT1	
20	2310100011	Nguyễn Nhựt Minh Thư	29/07/2003					C25QT1	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005					C25QT1	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005					C25QT1	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005					C25QT1	
24	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005					C25QT1	
25	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005					C25QT1	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005					C25QT1	
27	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004					C25QT2	
28	2310100034	Trần Thị Lan Trinh	28/06/2005					C25QT1	
29	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005					C25QT2	
30	2310100056	Nguyễn Nhựt Trường	06/02/2005					C25QT2	
31	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005					C25QT1	
32	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004					C25QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005					C25QT2	
34	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005					C25QT2	
35	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005					C25QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 15 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa

Ngày 15 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Kinh tế học

Mã bài thi: S9CQ2Q

Thời gian thi: 23/11/2023 13:30:00

Thời gian kết thúc: 23/11/2023 14:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Văn Dũng Ký tên: Nguyễn Văn Dũng

Giám thị 2: Phạm Thanh Tú Ký tên: Phạm Thanh Tú

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	<u>Lê Văn Nhóc</u>	3.4	Ba, bốn	C25QT1	
2	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	<u>Đỗ Thị Huỳnh Như</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT1	
3	2310100049	Nguyễn Hoàng Oanh	26/06/2005	<u>Nguyễn Hoàng Oanh</u>	2	Hai	C25QT2	
4	2310100061	Hà Nguyễn Tân Phát	02/06/2005	<u>Hà Nguyễn Tân Phát</u>	2.6	Hai, sáu	C25QT2	
5	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005	<u>Phạm Thị Diễm Phước</u>	3.4	Ba, bốn	C25QT2	
6	2310100048	Nguyễn Cát Hồng Quân	05/01/2004	<u>Nguyễn Cát Hồng Quân</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT2	
7	2310100062	Phạm Tiến Quân	01/09/2005	<u>Phạm Tiến Quân</u>	3	Ba	C25QT2	
8	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	<u>Lê Thị Ngọc Quý</u>	4.8	Bốn, tám	C25QT1	
9	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005	<u>Nguyễn Thị Phương Quyên</u>	5.2	Năm, hai	C25QT2	
10	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	<u>Sơn Thị Sa Rây</u>	3.4	Ba, bốn	C25QT1	
11	2310010016	Cao Yên Tây	02/07/2005	<u>Cao Yên Tây</u>	3.6	Ba, sáu	C25QT1	
12	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	<u>Nguyễn Chí Thành</u>	6	Sáu	C25QT1	
13	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005	<u>Phùng Thị Thanh Thảo</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT2	
14	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/02/2002	<u>Lâm Phương Thảo</u>	5.8	Năm, tám	C25QT1	
15	2310100037	Lê Triệu Thiên	07/04/2005	<u>Lê Triệu Thiên</u>	5.8	Năm, tám	C25QT2	
16	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	<u>Danh Ngọc Thơm</u>	5.2	Năm, hai	C25QT1	
17	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	<u>Nguyễn Thị Anh Thư</u>	4.2	Bốn, hai	C25QT1	
18	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	<u>Nguyễn Nhật Minh Thư</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT1	
19	2310100010	Châu Trần Phúc Thuận	01/01/2005	<u>Châu Trần Phúc Thuận</u>	4	Bốn	C25QT1	
20	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	<u>Nguyễn Thị Mộng Thúy</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT1	
21	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	<u>Bành Thị Thanh Thủy</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT2	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	<u>Huỳnh Thanh Thy</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT1	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	<u>Văn Thị Mai Thy</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT1	
24	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	<u>Trần Thị Thủy Tiên</u>	3.8	Ba, tám	C25QT1	
25	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	<u>Huỳnh Hoa Thủy Tiên</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT1	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	<u>Bùi Lê Ngọc Trân</u>	2.8	Hai, tám	C25QT1	
27	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004	<u>Quách Nguyễn Bảo Trân</u>	3	Ba	C25QT2	
28	2310100034	Trần Thị Lan Trinh	28/06/2005	<u>Trần Thị Lan Trinh</u>	5	Năm	C25QT1	
29	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005	<u>Đào Văn Trung</u>	4.8	Bốn, tám	C25QT2	
30	2310100056	Nguyễn Nhật Trường	06/02/2005	<u>Nguyễn Nhật Trường</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT2	
31	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005	<u>Lê Thị Cẩm Tú</u>	6	Sáu	C25QT2	
32	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005	<u>Phạm Văn Tùng</u>	5.4	Năm, bốn	C25QT2	
33	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	<u>Nguyễn Thị Thanh Tuyền</u>	4.2	Bốn, hai	C25QT1	
34	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004	<u>Nguyễn Thị Hồng Tuyết</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT2	
35	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005	<u>Lê Triệu Vy</u>	5.8	Năm, tám	C25QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 24

Ngày 25 tháng 11 năm 2023

Ngày 24 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)


TS. Trần Thị Ngọc Anh

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hân